TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 925/2026/DS-ST
Ngày: 08-5 -2026
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

– ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Trung
2. Ông Đặng Văn Ẩn

– ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10- Thành phố Hồ Chí Minh.

– ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10- Thành phố Hồ Chí Minh:*** Bà Trần Thị Nga- Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 08 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 226/2026/TLST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2026 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1006/2026/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1426/2026/QĐST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên M;

Địa chỉ: 91 đường Pasteur, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Phạm Thành N; địa chỉ: Phòng số 401, Đường T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo uỷ quyền (Giấy uỷ quyền ngày 17/4/2025); (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970;

Địa chỉ: A12/380 ấp 53, xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/9/2025; bản tự khai; Biên bản không tiến hành hoà giải được, đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Phạm Thành N trình bày:

Ngày 09/11/2024, Công ty tài chính TNHH một thành viên M và ông Nguyễn Văn T có ký Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 6020544 (sau đây ghi tắt là HĐTD) về việc cấp tín dụng cho ông T với nội dung như sau: Số tiền vay: 27.820.000 đồng, mức lãi suất: 55%/năm. Sau khi hợp đồng được ký kết, nguyên đơn đã giải ngân theo đúng quy định trong hợp đồng tín dụng cho ông Nguyễn Văn T, số tiền giải ngân được nguyên đơn chuyển vào tài khoản cá nhân của ông Nguyễn Văn T. Ông Nguyễn Văn T nghĩa vụ thanh toán theo hình thức trả góp hàng tháng với số tiền là 1.933.486 đồng trong kỳ hạn 24 tháng, kể từ ngày 10/12/2024 đến ngày 10/11/2026 cho Công ty.

Kể từ ngày được giải ngân đến nay ông Nguyễn Văn T chỉ mới thanh toán trả góp cho Công ty được 03 kỳ với tổng số tiền đã thanh toán là 5.838.000 đồng. Trong đó: Tiền gốc là 1.993.612 đồng; tiền lãi là 3.808.388 đồng; tiền phí là 36.000 đồng.

Từ ngày 08/02/2025 đến nay ông Nguyễn Văn T không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả góp theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Công ty.

Nguyên đơn đã tiến hành liên hệ qua điện thoại đề nghị ông Nguyễn Văn T thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Đồng thời, công ty đã gửi thư nhắc nợ nhưng bị đơn ông Nguyễn Văn T vẫn cố tình không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng cho Công ty.

Công ty tài chính TNHH một thành viên M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T thanh toán cho Công ty tổng cộng số tiền tạm tính đến ngày 19/3/2026 là: 43.687.364 đồng. Cụ thể: Nợ gốc: 25.826.388 đồng; nợ lãi trong hạn: 12.083.864 đồng; nợ lãi quá hạn: 5.081.031 đồng; lãi chậm trả: 696.081 đồng.

- Công ty tài chính TNHH một thành viên M yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn T phải thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 20/3/2026 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định; nhưng ông T vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và gửi bản tự khai cũng như bản tính lãi đến ngày xét xử. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử là 46.013.707 đồng (Bốn mươi sáu triệu không

trăm mười ba nghìn bảy trăm lẻ bảy đồng), trong đó nợ gốc là 25.826.388 đồng, nợ lãi trong hạn là 12.680.683 đồng, nợ lãi quá hạn là 6.640.444 đồng, nợ lãi chậm trả là 866.192 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10- Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án nhân dân Khu vực 10- Thành phố Hồ Chí Minh, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Việc tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đều đã được thực hiện đúng quy định nên việc xét xử vắng mặt các đương sự vừa nêu là phù hợp với quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đảm bảo thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên M khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả số tiền vay theo giấy Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký, đây là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"; bị đơn có nơi cư trú tại xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

- Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn: Ngày 19/3/2026 đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Phạm Thành Nhân có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu vắng mặt của đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định, nhưng ông Nguyễn Văn T không đến Tòa án trong cả hai lần được Tòa án triệu tập mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần Tòa án mở phiên tòa xét xử. Do vậy việc xét xử vắng mặt ông T là phù hợp với quy

định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung:

[3.1] Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên M yêu cầu ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả ngay số tiền nợ của giấy Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng tính đến ngày 08/5/2026 là 46.013.707 đồng (Bốn mươi sáu triệu không trăm mười ba nghìn bảy trăm lẻ bảy đồng), trong đó nợ gốc là 25.826.388 đồng, nợ lãi trong hạn là 12.680.683 đồng, nợ lãi quá hạn là 6.640.444 đồng, nợ lãi chậm trả là 866.192 đồng.

Căn cứ "Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng" số 6020544 về việc cấp tín dụng cho ông T với nội dung như sau: Số tiền vay: 27.820.000 đồng, phí bảo hiểm là 1.820.000 đồng, mức lãi suất: 55%/năm. Sau khi hợp đồng được ký kết, nguyên đơn đã giải ngân theo đúng quy định trong hợp đồng tín dụng cho ông Nguyễn Văn T, số tiền giải ngân được nguyên đơn chuyển vào tài khoản cá nhân của ông Nguyễn Văn T. Ông Nguyễn Văn T nghĩa vụ thanh toán theo phương thức trả góp hàng tháng với số tiền là 1.933.486 đồng trong kỳ hạn 24 tháng, kể từ ngày 10/12/2024 đến ngày 10/11/2026 cho Công ty. Căn cứ phiếu báo nợ ngày 09/11/2024, Công ty M đã chuyển cho ông T số tiền 26.000.000 đồng, "nội dung thanh toán Mgiải ngân CDL Nguyễn Văn T HD 6020544" có cơ sở xác định ông T có vay tiền của Công ty M. Nội dung giấy Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng thể hiện sự thỏa thuận tự nguyện của các bên và không trái pháp luật nên có hiệu lực; phù hợp với các quy định tại Điều 117, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.2] Căn cứ Báo cáo lịch sử thanh toán hợp đồng tín dụng thì ông T chỉ mới thanh toán trả góp cho nguyên đơn được 03 kỳ với tổng số tiền đã thanh toán là 5.838.000 đồng. Trong đó: Tiền gốc là 1.993.612 đồng; tiền lãi là 3.808.388 đồng; tiền phí là 36.000 đồng. Kể từ ngày 08/02/2025 đến nay ông Nguyễn Văn T không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả góp theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Công ty.

Nay Công ty M yêu cầu ông T thanh toán một lần T bộ số tiền còn nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 9/5/2026 cho đến khi ông T thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng đã ký là phù hợp và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 23 và Điều 25 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng nên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Theo kết quả xác minh của Công an xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh: *"Nguyễn Văn T, sinh năm 1970, hiện nay không thực tế cư trú A12/380 ấp 53, xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện đương sự T đi đâu không rõ"*. Căn cứ quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

điểm a, b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017 ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của ông Nguyễn Văn T cung cấp một địa chỉ cư trú duy nhất tại A12.380 tổ 12, ấp 2 xã Phong Phú, huyện Bình Chánh (nay là ấp 53, xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh) cho nguyên đơn được biết. Ông T đã cư trú tại địa chỉ do nguyên đơn cung cấp nhưng đã thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định pháp luật về cư trú làm cho nguyên đơn không biết được nhằm che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Do đó, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung là phù hợp với quy định pháp luật và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng của đương sự.

[4] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10- Thành phố Hồ Chí Minh: Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10- Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận T bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ của Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày 08/5/52026 là 46.013.707 đồng (Bốn mươi sáu triệu không trăm mười ba nghìn bảy trăm lẻ bảy đồng), trong đó nợ gốc là 25.826.388 đồng, nợ lãi trong hạn là 12.680.683 đồng, nợ lãi quá hạn là 6.640.444 đồng, nợ lãi chậm trả là 866.192 đồng.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 117, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên M đối với ông Nguyễn Văn T về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên M số tiền còn nợ tính đến ngày 08/5/52026 là 46.013.707 đồng

(Bốn mươi sáu triệu không trăm mười ba nghìn bảy trăm lẻ bảy đồng), trong đó nợ gốc là 25.826.388 đồng, nợ lãi trong hạn là 12.680.683 đồng, nợ lãi quá hạn là 6.640.444 đồng, nợ lãi chậm trả là 866.192 đồng.

Kể từ ngày 09/5/2026, ông Nguyễn Văn T còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn và các khoản phí phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại giấy Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 6020544 ngày 09/11/2024 mà các bên đã ký.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn T chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.300.685 đồng (Hai triệu ba trăm nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng).

Hoàn lại cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 840.732 đồng (Tám trăm bốn mươi nghìn bảy trăm ba mươi hai đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/25E số 0047141 ngày 08/12/2005 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**